

LUẬT THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHU ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở

[Ngày thi hành 27/6/2018] [Luật số 15682, ngày 12/6/2018, Sửa đổi một phần

Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông (Bộ phận Phát triển Bất động sản)

044-201-3438,3436

Trung tâm thông tin pháp lý quốc gia

www.law.go.kr 2019.06.21

LUẬT THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHU ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở

[Ngày thi hành 27/6/2018] [Luật số 15682, ngày 12/6/2018, Sửa đổi một phần]

Điều 1 (Mục đích) Mục đích của Luật này là nhằm góp phần vào ổn định nhà ở quốc gia và thúc đẩy phúc lợi bằng cách cung cấp cho các trường hợp đặc biệt việc mua lại, phát triển, cung cấp, quản lý, v.v. khu đất xây dựng nhà ở cần thiết để nhanh chóng giải quyết vấn đề thiếu hụt nhà ở trong khu vực đô thị.

[Điều này được sửa đổi hoàn toàn bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 2 (Định nghĩa về các thuật ngữ) Các định nghĩa về các thuật ngữ được sử dụng trong Luật này sẽ như sau: <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013; Luật số 13805, ngày 19 tháng 1 năm 2016>

1. Thuật ngữ "khu đất xây dựng nhà ở" là đất để xây dựng nhà ở và đất cho các cơ sở công cộng được phát triển và cung cấp theo Luật này;
2. Thuật ngữ "đất dành cho các cơ sở công cộng" là đất để lắp đặt cơ sở hạ tầng quy định tại khoản 6 Điều 2 của Luật Quy hoạch và sử dụng đất quốc gia và của các cơ sở được qui định bởi Nghị định của Tổng thống;
3. Thuật ngữ "khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở" là một khu đô thị hoặc vùng ngoại ô của đô thị theo Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia được chỉ định và công bố, theo Điều 3, bởi Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông, Thị trưởng Thành phố đô thị đặc biệt, Thị trưởng thành phố, hoặc Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (sau đây gọi là "cơ quan chỉ định") để vận hành dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở;
4. Thuật ngữ "dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở" là dự án phát triển các khu đất xây dựng nhà ở có sẵn để xây dựng nhà ở và chỗ ở thông qua việc sử dụng đất chung;
5. Thuật ngữ "cơ sở chính" có nghĩa là các cơ sở được quy định tại đoạn 17 của Điều 2 của Luật Nhà ở.

[Điều này được sửa đổi toàn bộ bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 3 (Chỉ định các Khu Phát triển khu đất xây dựng nhà ở, v.v.)

(1) Một Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố đô thị, hoặc Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (sau đây gọi là "Thị trưởng") có thể chỉ định một khu vực cần thiết để phát triển chung các khu đất xây dựng nhà ở làm khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở (bao gồm cả các trường hợp khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở được chỉ định sửa đổi; sau đây sẽ áp dụng như vậy), theo quy định trong phần cung cầu nhà ở và khu đất xây dựng nhà ở và phần quản lý kế hoạch cư trú toàn diện theo Điều 5 của Luật khung về cư trú (sau đây gọi là "kế hoạch cung-cầu khu đất xây dựng nhà ở"). Trong những trường hợp như vậy, nếu một khu vực được coi là cần một dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở của hai hoặc nhiều Thành phố đô thị đặc biệt, Thành phố đô thị, hoặc Các tỉnh tự trị đặc biệt (sau đây gọi là "Thành phố"), thẩm quyền chỉ định sẽ được xác định thông qua tham khảo ý kiến giữa các Thị trưởng / Thống đốc")

(Được sửa đổi bởi Luật số 13378, ngày 22 tháng 6 năm 2015)

(2) Trong các trường hợp của đoạn (1), nếu một Thị trường / Thống đốc (không bao gồm Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt) dự định chỉ định một khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở vượt quá số lượng dự kiến của Thành phố liên quan được đề cập trong Kế hoạch cung cấp khu đất xây dựng nhà ở, thị trường/thống đốc đó sẽ tham vấn trước với Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông, và nếu diện tích của khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở dự kiến không nhỏ hơn diện tích theo qui định bởi Nghị định của Tổng thống, thị trường/thống đốc sẽ có được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông. Trong những trường hợp như vậy, nếu Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông dự định phê duyệt chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở đó, Bộ trưởng sẽ làm như vậy sau khi vấn đề này được thảo luận bởi Ủy ban Thảo luận Chính sách Nhà ở theo Điều 8 của Luật Khung về Nơi cư trú. <Được sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013; Luật số 13378, ngày 22 tháng 6 năm 2015>

(3) Bất kể đoạn (1), Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải có thể chỉ định một khu vực cần thiết để phát triển chung các khu đất xây dựng nhà ở như một khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở trong các trường hợp sau: Với điều kiện, điều tương tự sẽ không áp dụng cho Tỉnh tự trị đặc biệt : <Được sửa đổi bởi Luật số 11690, 23/3/2013>

1. Trường hợp Nhà nước cần thực hiện dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở;
2. Trường hợp người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương có liên quan yêu cầu chỉ định như vậy;
3. Trường hợp Tập đoàn Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc theo Điều 7 (1) 2 đề xuất chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở không nhỏ hơn quy mô được qui định bởi Nghị định của Tổng thống để cung cấp khu đất xây dựng nhà ở theo kế hoạch cung cầu khu đất xây dựng nhà ở.
4. Trường hợp tham vấn theo phần sau của đoạn (1) kết thúc không đạt kết quả.

(4) Trong trường hợp cơ quan chỉ định dự định chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo đoạn (1) hoặc (3), cơ quan chỉ định sẽ tham khảo trước với người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương có liên quan (tham khảo người đứng đầu cơ quan hành chính có liên quan cơ quan nếu cơ quan chỉ định là Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt) và sẽ có vấn đề được thảo luận bởi thành phố liên quan/Ủy ban cố ý chính sách cư trú (tham khảo Ủy ban cố ý chính sách cư trú theo Điều 8 của Luật khung về cư trú nếu thẩm quyền chỉ định là Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải) theo Điều 9 của Luật Khung cư trú sau khi nghe ý kiến của người đứng đầu cơ quan có liên quan (bao gồm cả Thị trường / Thống đốc liên quan nếu thẩm quyền chỉ định là Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải) hoặc người đứng đầu của khu tự trị liên quan (trừ trường hợp thẩm quyền chỉ định là thống đốc khu tự trị đặc biệt): Với điều kiện, Điều tương tự sẽ không áp dụng khi dự định sửa đổi bất kỳ vấn đề nhỏ nào theo Nghị định của Tổng thống và khi cơ quan chỉ định là Thị trường / Thống đốc và Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông đã có liên quan vấn đề được Ủy ban cân nhắc chính sách cư trú cân nhắc theo đoạn (2), vấn đề liên quan đó sẽ được coi là đã được thảo luận bởi Ủy ban cố ý chính sách nhà ở / thành phố liên quan. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013; Luật số 13378, ngày 22 tháng 6 năm 2015>

(5) Trường hợp người điều hành dự án không chuẩn bị kế hoạch thực hiện dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở hoặc không xin phê duyệt theo Điều 9 trong vòng ba năm kể từ ngày khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở được đề cập trong đoạn (1) hoặc (3) được thông báo công khai theo đoạn (6), theo đó cơ quan chỉ định sẽ hủy chỉ định.

(6) Trong trường hợp cơ quan chỉ định đã chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở hoặc hủy bỏ chỉ định theo các đoạn (1) và (3) đến (5), cơ quan chỉ định sẽ thông báo công khai trên Công báo về tên, địa điểm và khu vực được chỉ định của khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở và kế hoạch phát triển khu vực xây dựng nhà ở quy định tại Điều 8, và gửi một bản sao các tài liệu liên quan đến người đứng đầu có liên quan (bao gồm Thị trường thành phố đặc biệt có liên quan hoặc Thị trường thành phố đô thị nếu thẩm quyền chỉ định là Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải, sau đây sẽ áp dụng tương tự) hoặc người đứng

đầu của khu tự trị có liên quan. Trong những trường hợp như vậy, Điều 8 của Luật khung về Quy định sử dụng đất sẽ được áp dụng để thông báo công khai về bản vẽ địa hình được nêu trong Điều 8 (2) của Luật nói trên. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3, 2013; Luật số 15682, ngày 12 tháng 6 năm 2018>

(7) Người đứng đầu khu tự trị khi nhận được một bản sao các tài liệu liên quan theo đoạn (6) sẽ cung cấp cho công chúng để xem xét: Với điều kiện, nếu Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt là Cơ quan chỉ định, thống đốc sẽ trực tiếp cung cấp thông tin chi tiết về các tài liệu có liên quan để công chúng xem xét. <Mới được chèn bởi Luật số 15682, ngày 12 tháng 6 năm 2018>

(8) Việc chỉ định hoặc hủy bỏ khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo đoạn (1), (3) hoặc (5), nếu có, sẽ được coi là chỉ định hoặc hủy bỏ khu vực quy hoạch đơn vị quận theo Điều 51 của Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia. <Sửa đổi bởi Luật số 10599, ngày 14 tháng 4 năm 2011>

[Điều này được sửa đổi hoàn toàn bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 3-2 (Đề xuất chỉ định các khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở)

(1) Một người thuộc bất kỳ phần nào trong Điều 7 (1) 1 đến 4 có thể đề nghị cơ quan chỉ định chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở.

(2) Các thủ tục và tài liệu cần thiết để đề xuất chỉ định các khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở và các vấn đề cần thiết khác, sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

[Điều này được sửa đổi toàn bộ bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 3-3 (Nghe ý kiến của cư dân, v.v.) (1) Trong trường hợp cơ quan chỉ định dự định chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo Điều 3, cơ quan chỉ định sẽ thông báo công khai và nghe ý kiến của cư dân, các chuyên gia liên quan, v.v., theo quy định của Nghị định của Tổng thống: với điều kiện, điều này sẽ không áp dụng khi nó bao gồm bất kỳ thông tin nào phải được giữ bí mật quốc phòng hoặc dự định sửa đổi bất kỳ vấn đề nhỏ nào do Nghị định của Tổng thống quy định.

(2) Các vấn đề cần thiết để nghe ý kiến của người dân và các chuyên gia liên quan theo đoạn (1) sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

[Điều này được sửa đổi toàn bộ bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 4 (Kiểm tra cơ bản các khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở) (1) Trong trường hợp cơ quan chỉ định dự định chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo Điều 3, cơ quan chỉ định sẽ kiểm tra trước khu đất được chỉ định là khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở, các tòa nhà kèm theo, và các vấn đề khác cần thiết cho việc chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở.

(2) Trong trường hợp của đoạn (1), nếu cơ quan chỉ định thấy cần thiết, cơ quan chỉ định có thể ra lệnh cho người đứng đầu đô thị, người đứng đầu khu tự trị (trừ trường hợp cơ quan chỉ định là thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt), hoặc một nhà điều hành dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo Điều 7 để tiến hành kiểm tra như vậy.

(3) Trong trường hợp một người thuộc bất kỳ từ mục 1 đến 4 thuộc Điều 7 (1) có ý định đề xuất chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo Điều 3-2, người đó có thể tiến hành kiểm tra theo đoạn (1).

[Điều này được sửa đổi toàn bộ bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 5 đã xóa (bởi Luật số 3642 ngày 31 tháng 12 năm 1982)

Điều 6 (Hạn chế hoạt động, v.v.)

(1) Một người dự định thực hiện một hoạt động được quy định bởi Nghị định của Tổng thống như xây dựng một tòa nhà, lắp đặt kết cấu, thay đổi hình thức và chất lượng đất, thu gom đất và đá, phân vùng đất, chất đống hàng hóa, vv trong một khu vực có thông báo công khai để nghe ý kiến của người dân, vv về việc chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo Điều 3-3 hoặc trong khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở phải được sự cho phép của Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu của một khu tự trị. Điều tương tự cũng sẽ được áp dụng khi anh ấy / cô ấy dự định sửa đổi bất kỳ vấn đề được phép nào.

(2) Bất kể đoạn (1), các hoạt động sau có thể được thực hiện mà không cần được phép:

1. Một hoạt động được thực hiện cho các biện pháp khẩn cấp cần thiết để khắc phục thảm họa hoặc kiểm soát thảm họa;
2. Các hoạt động khác theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(3) Liên quan đến một hoạt động được cho phép theo đoạn (1), mà đã được cho phép hoặc không yêu cầu bắt buộc theo các luật liên quan tại thời điểm khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở có liên quan được chỉ định và công bố, người đã bắt đầu công việc hoặc dự án xây dựng có liên quan có thể tiếp tục thực hiện sau khi báo cáo thực tế đó với Thống đốc của tỉnh tự quản đặc biệt có liên quan, hoặc người đứng đầu khu tự trị có liên quan, như quy định của Nghị định của Tổng thống.

(4) Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu khu tự trị có thể ra lệnh cho một người vi phạm đoạn (1) khôi phục lại vùng đất theo tình trạng ban đầu trước khi vi phạm được thực hiện. Trong những trường hợp như vậy, nếu người được ra lệnh không thực hiện nghĩa vụ đó, Thống đốc của Tỉnh tự trị đặc biệt có liên quan, hoặc người đứng đầu khu tự trị có liên quan có thể thực hiện theo ủy quyền Luật Thi hành án hành chính.

(5) Trừ khi có quy định khác trong Luật này, các Điều từ 57 đến 60 và 62 của Luật Quy hoạch và Sử dụng đất đai quốc gia sẽ áp dụng những sửa đổi thích hợp để cho phép theo đoạn (1).

(6) Nếu sự cho phép được nêu trong đoạn (1), thì sẽ được coi là sự cho phép được nêu trong Điều 56 của Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia.

[Điều này được sửa đổi hoàn toàn bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 7 (Người điều hành các dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở, v.v.)

(1) Dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở sẽ được thực hiện bởi một người đã được chỉ định bởi cơ quan chỉ định (sau đây gọi là "người vận hành dự án") trong số những người sau đây: <

Sửa đổi bởi Luật số 12251, ngày 14 tháng 1 năm 2014; Luật số 13805, ngày 19 tháng 1 năm 2016>

1. Nhà nước và chính quyền địa phương;
2. Tập đoàn Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc theo Luật Tập đoàn Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc (sau đây gọi là "Tập đoàn Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc");
3. Một công ty công do chính quyền địa phương đầu tư theo Luật Doanh nghiệp Công Địa phương;
4. Một nhà điều hành dự án đã đăng ký theo Điều 4 của Luật Nhà ở (sau đây gọi là "nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, v.v."), người mà sở hữu hoặc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đất, khu vực đó là không ít hơn tỷ lệ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống trong khu đất trong khu vực phát triển khu đất xây nhà ở được chỉ định và người thực hiện dự án phát triển liên kết với một người thuộc bất kỳ đoạn nào từ 1 đến 3 (sau đây gọi là "nhà điều hành dự án công cộng ") theo các yêu cầu và thủ tục được quy định bởi Nghị định của Tổng thống như đảm bảo lợi ích công cộng để giải quyết vấn đề thiếu nhà ở tại các khu vực đô thị. Trong những trường hợp như vậy, tỷ lệ sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống theo cách phân loại sau:

(a) Khi một nhà điều hành dự án công yêu cầu các nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, vv cùng thực hiện một dự án phát triển để đáp ứng bất kỳ nhu cầu cấp thiết như xây dựng nhà ở công cộng: ít nhất 20% và dưới 50%;

(b) Trường hợp nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, v.v. yêu cầu các nhà điều hành dự án công cùng thực hiện dự án phát triển để giúp lấy đất dễ dàng hơn hoặc được phê duyệt kế hoạch dự án: ít nhất 50% và dưới 70%;

5. Nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, vv cùng thực hiện dự án phát triển dựa trên thỏa thuận với nhà điều hành dự án công hoặc pháp nhân được thành lập bởi nhà điều hành dự án công và nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, v.v. thông qua các khoản đầu tư chung (sau đây gọi là "tập đoàn đầu tư chung"). Trong những trường hợp như vậy, tỷ lệ cổ phần đầu tư được nắm giữ bởi nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, vv sẽ dưới 50%; và các phương thức mà các nhà điều hành dự án công chọn các nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, vv, các chi tiết của thỏa thuận, tỷ suất lợi nhuận của các nhà điều hành dự án xây dựng nhà ở, vv sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

(2) Nếu cần thiết để thực hiện hiệu quả dự án phát triển nhà ở, nhà điều hành dự án công cộng có thể cho phép người vận hành dự án xây dựng nhà ở, v.v., thực hiện, như một ủy quyền của dự án phát triển nhà ở, như thiết kế và bán theo lô, theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(3) Đối với dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở cho khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở được chỉ định dựa trên đề xuất theo Điều 3-2, cơ quan chỉ định có liên quan có thể chỉ định người đề xuất chỉ định là nhà điều hành dự án ưu tiên cho người khác.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 8 (Lập, v.v. Kế hoạch phát triển khu đất xây dựng nhà ở)

(1) Trong trường hợp cơ quan chỉ định dự định chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở, cơ quan chỉ định sẽ lập một kế hoạch phát triển khu đất xây dựng nhà ở (sau đây gọi là "kế hoạch phát triển") như sau:

1. Tóm tắt kế hoạch phát triển;
2. Giai đoạn phát triển;
3. Kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch lắp đặt cơ sở hạ tầng chính;
4. Vị trí, số lô, chủng loại, diện tích, chi tiết về quyền sở hữu và các quyền khác ngoài quyền sở hữu, tên và địa chỉ của chủ sở hữu quyền và các quyền khác ngoài quyền sở hữu, của đất đai, v.v. sẽ bị chiếm hữu
5. Các vấn đề khác theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(2) Thủ tục lập kế hoạch phát triển theo giai đoạn (1) và các vấn đề cần thiết khác sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 9 (Chuẩn bị, phê duyệt, vv kế hoạch thực hiện dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở)

(1) Một nhà điều hành dự án phải chuẩn bị một kế hoạch thực hiện dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở (sau đây gọi là "kế hoạch thực hiện") theo quy định của Nghị định của Tổng thống, và một nhà điều hành dự án không phải là cơ quan chỉ định sẽ có được phê duyệt kế hoạch thực hiện của nhà điều hành dự án từ cơ quan chỉ định có liên quan. Điều tương tự cũng sẽ được áp dụng khi nhà điều hành dự án dự định sửa đổi (không bao gồm sửa đổi bất kỳ vấn đề nhỏ nào theo quy định của Nghị định của Tổng thống) kế hoạch thực hiện được phê duyệt.

(2) Kế hoạch thực hiện sẽ bao gồm một kế hoạch đơn vị cấp huyện được lập theo Điều 52 của Luật Quy hoạch và Sử dụng đất đai quốc gia và kế hoạch cung cấp nhà ở. <Sửa đổi theo Luật số 10599, ngày 14 tháng 4 năm 2011>

(3) Trường hợp cơ quan chỉ định đã chuẩn bị hoặc phê duyệt kế hoạch thực hiện, cơ quan chỉ định sẽ đưa ra thông báo và thông báo cho nhà điều hành dự án liên quan và người đứng đầu của khu tự trị có thẩm quyền (giới hạn ở nhà điều hành dự án có liên quan nếu cơ quan chỉ định là Thống đốc tỉnh tự quản đặc biệt) về thực tế này.

(4) Trường hợp cơ quan chỉ định đã chuẩn bị hoặc phê duyệt kế hoạch thực hiện yêu cầu thu hồi đất, v.v. được nêu trong Điều 12 (1), cơ quan chỉ định sẽ công bố trên Công báo tên của

nhà điều hành dự án, loại dự án, và các chi tiết về đất, v.v ... sẽ được thu hồi và thông báo cho chủ sở hữu đất, v.v. và những người có quyền khác trong thực tế này: Với điều kiện, điều này sẽ không áp dụng khi người điều hành dự án đã tham khảo trước với chủ sở hữu đất, vv và những người nắm giữ các quyền khác cho đến khi họ chuẩn bị hoặc nộp đơn xin phê duyệt kế hoạch thực hiện.

(5) Khi thực hiện dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở, nếu có lý do đặc biệt theo quy định của Nghị định của Tổng thống, nhà điều hành dự án có thể thực hiện dự án phát triển đô thị theo Luật Phát triển đô thị.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 10 (Tiếp cận đất đai, v.v.)

(1) Trong trường hợp nhà điều hành dự án chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở hoặc tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát để chuẩn bị kế hoạch phát triển hoặc kế hoạch thực hiện hoặc nếu không thì cần phải thực hiện dự án, nhà điều hành dự án có thể thực hiện như sau:

1. Vào khu đất mà người khác chiếm giữ;
2. Sử dụng đất của người khác làm làm sân để vật liệu hoặc đường tạm thời;
3. Sửa đổi hoặc loại bỏ tre, gỗ, đất, đá hoặc các chướng ngại vật khác.

(2) Khi một người đề xuất chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở theo Điều 3-2 dự định tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát để đề xuất chỉ định khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở hoặc nếu không thì cần phải thực hiện dự án của mình, người đề xuất có thể thực hiện các hoạt động được đề cập trong đoạn (1) 1.

(3) Điều 130 (2) đến (9), 131 và 144 (1) 2 và 3 của Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia sẽ áp dụng những sửa đổi thích hợp cho các trường hợp được nêu trong đoạn (1). Trong những trường hợp như vậy, "người thực hiện dự án cơ sở quy hoạch đô thị là cơ quan hành chính" sẽ được coi là "người điều hành dự án" theo Luật này.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 11 (Mối quan hệ với các Luật khác)

(1) Khi một nhà điều hành dự án đã chuẩn bị hoặc có được phê duyệt của kế hoạch thực hiện, sẽ được coi là anh ta / cô ta đã có được một quyết định, ủy quyền, cho phép, tư vấn, đồng ý, giấy phép, phê duyệt, bố trí, hủy bỏ, đặt hàng hoặc chỉ định (sau đây gọi là "ủy quyền, cho phép, v.v.") theo từng đoạn sau đây và khi cơ quan chỉ định đã thông báo chuẩn bị hoặc phê duyệt kế hoạch thực hiện, sẽ được coi là thông báo hoặc thông báo công khai về ủy quyền, cho phép, v.v. theo Luật liên quan đã được thực hiện hoặc đưa ra:

<Sửa đổi bởi Luật số 10599, ngày 14 tháng 4 năm 2011; Luật số 12248, ngày 14 tháng 1 năm 2014; Luật số 13805, ngày 19 tháng 1 năm 2016>

1. Xác định kế hoạch quản lý đô thị theo Điều 30 của Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia, cho phép các hoạt động phát triển theo Điều 56 của Luật tương tự, chỉ định người thực hiện dự án cơ sở đô thị / quy hoạch theo Điều 86 của Luật tương tự và ủy quyền cho một kế hoạch thực hiện theo Điều 88 của Luật tương tự;
2. Ủy quyền cho một kế hoạch thực hiện theo Điều 17 của Luật Phát triển đô thị;
3. Phê duyệt kế hoạch dự án theo Điều 15 của Luật Nhà ở;
4. Ủy quyền cho một doanh nghiệp thủy lợi nói chung và kinh doanh nhà máy nước công nghiệp theo Điều 17 và 49 của Luật Lắp đặt Cấp nước và Nhà máy nước, và ủy quyền lắp đặt nhà máy nước sử dụng tư nhân theo Điều 52 và 54 của Luật tương tự;
5. Giấy phép thi công công trình xây dựng hệ thống thoát nước công cộng theo Điều 16 của Luật thoát nước;
6. Giấy phép sử dụng hoặc sử dụng các vùng nước công cộng theo Điều 8 của Luật quản lý và cải tạo vùng nước công cộng, giấy phép khai thác các vùng nước công cộng theo Điều 28 của Luật tương tự, tham khảo ý kiến hoặc phê duyệt cải tạo được thực hiện bởi Nhà nước, v.v. theo Điều 35 của cùng một Luật và ủy quyền cho một kế hoạch thực hiện cải tạo các vùng nước công cộng theo Điều 38 của cùng một Luật;
7. Cho phép thi công các công trình sông và ủy quyền đối với kế hoạch thi công công trình sông theo Điều 30 của Luật về sông, cho phép chiếm hoặc sử dụng một dòng sông theo Điều 33 của Luật tương tự và cho phép sử dụng nước sông theo Điều 50 của cùng một Luật;
8. Giấy phép thi công công trình đường bộ theo Điều 36 của Luật Đường bộ và cho phép chiếm hữu hoặc sử dụng đường bộ theo Điều 61 của Luật tương tự;
9. Cho phép hoặc tham khảo ý kiến về việc chuyển đổi đất nông nghiệp theo Điều 34 của Luật Đất nông nghiệp, một báo cáo về việc chuyển đổi đất nông nghiệp theo Điều 35 của Luật tương tự, cho phép hoặc tư vấn về việc sử dụng tạm thời đất nông nghiệp cho các mục đích khác theo Điều 36 của Luật tương tự và phê duyệt thay đổi sử dụng theo Điều 40 của Luật tương tự;
10. Cho phép và báo cáo chuyển đổi huyện miền núi theo Điều 14 và 15 của Luật quản lý huyện miền núi, cho phép và báo cáo việc sử dụng tạm thời một huyện miền núi theo Điều 15-2 của Luật tương tự, cho phép và báo cáo cắt giảm gỗ đứng, v.v. theo Điều 36 (1) và (4) của Luật Sáng tạo và Quản lý Tài nguyên rừng, và cho phép và báo cáo các hoạt động trong khu bảo tồn rừng (không bao gồm bất kỳ khu bảo tồn tài nguyên gen rừng) theo Điều 9 (1) và (2) 1 và 2 của Luật bảo vệ rừng;
11. Giấy phép chuyển hướng đồng cỏ theo Điều 23 của Luật đồng cỏ;
12. Giấy phép chặt hạ cây, v.v. theo Điều 14 của Luật công tác kiểm soát xói mòn và hủy bỏ chỉ định đất được xử lý chống xói mòn theo Điều 20 của Luật tương tự;

13. Chỉ định người điều hành dự án phát triển phức hợp công nghiệp theo Điều 16 của Luật Phát triển và Khu công nghiệp, và phê duyệt kế hoạch thực hiện phát triển phức hợp công nghiệp theo Điều 17 và 18 của Luật tương tự;
14. Bố trí không cho phép theo Điều 24 của Luật Công nghiệp khai thác và việc xử lý giảm diện tích khai thác hoặc xử lý thu hồi quyền khai thác theo Điều 34 của Luật tương tự;
15. Giấy phép và báo cáo về việc lắp dựng tòa nhà tạm thời theo Điều 20 của Luật Xây dựng;
16. Cho phép sử dụng tài sản hành chính theo Điều 30 của Luật Tài sản Nhà nước;
17. Giấy phép sử dụng và hưởng lợi từ tài sản hành chính theo Điều 20 (1) của Luật quản lý hàng hóa và tài sản công cộng;
18. Giấy phép cho chôn cất một ngôi mộ không có người nhận theo Điều 27 của Luật về Dịch vụ Tang lễ, v.v.
19. Giấy phép thi công công trình xây dựng của một người không phải là văn phòng quản lý theo Điều 10 của Luật bảo trì sông nhỏ và giấy phép chiếm giữ một con sông nhỏ theo Điều 14 của Luật bảo trì sông nhỏ.

(2) Trường hợp cơ quan chỉ định dự định chuẩn bị hoặc phê duyệt kế hoạch thực hiện, nếu kế hoạch bao gồm các vấn đề theo bất kỳ đoạn nào của đoạn (1), cơ quan chỉ định sẽ tham khảo ý kiến của người đứng đầu cơ quan có liên quan. Trong những trường hợp như vậy, người đứng đầu cơ quan có liên quan sẽ đệ trình ý kiến của mình trong khoảng thời gian được quy định bởi Nghị định của Tổng thống kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn của cơ quan chỉ định.

(3) Trường hợp ủy quyền, cho phép, v.v. theo các Luật khác được coi là đã đạt được theo đoạn (1), thuế đăng ký đối với giấy phép, hoa hồng, phí người dùng, v.v. theo Luật liên quan sẽ không được áp dụng.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 12 (Khai thác đất)

(1) Trong trường hợp cần thiết phải thực hiện dự án phát triển khu đất xây dựng nhà ở cho khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở, nhà điều hành dự án (đề cập đến một nhà điều hành dự án công cộng và một công ty đầu tư chung nếu dự án được thực hiện chung theo Điều 7 (1) 4 và 5) có thể thu hồi hoặc sử dụng (sau đây gọi là "thu hồi") bất kỳ đất đai, hàng hóa hoặc quyền nào theo Điều 3 của Luật mua lại và bồi thường đất đai, v.v. (sau đây gọi là "đất, v.v.").

(2) Trường hợp chỉ định và thông báo khu vực phát triển nhà ở theo Điều 3 đã được thực hiện, việc phê duyệt dự án và thông báo công khai theo Điều 20 (1) và 22 của Luật Mua lại và Bồi thường cho Đất, v.v. Các dự án công trình công cộng sẽ được coi là đã được lấy hoặc thực hiện, và một đơn xin xét xử sẽ được thực hiện trong khoảng thời gian thực hiện dự án được cố

định trong kế hoạch thực hiện có liên quan, bắt chấp các quy định tại Điều 23 (1) và 28 (1) của Luật tương tự.

(3) Tòa án đất đai có thẩm quyền xét xử việc thu hồi đất, v.v. theo đoạn (1) sẽ là Tòa án đất đai trung ương.

(4) Liên quan đến việc thu hồi đất, v.v. theo đoạn (1), Luật thu hồi và bồi thường đất đai, v.v. đối với các dự án công trình công cộng sẽ áp dụng những sửa đổi thích hợp, trừ khi được quy định khác trong Luật này.

(5) Khi một nhà điều hành dự án công đã thu hồi đất, v.v. theo triển khai dự án chung theo Điều 7 (1) 4, nhà điều hành dự án công cộng đó sẽ phát triển thành một khu nhà ở, đất từ ít nhất 30% đến dưới 80% tổng diện tích đất trong khu vực phát triển nhà ở bao gồm cả phần đất tương đương với diện tích đất bị thu hồi, tỷ lệ tối thiểu cụ thể được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 12-2 (Giữ lại các tòa nhà, v.v.)

(1) Trường hợp được công nhận rằng các tòa nhà hiện có hoặc các cơ sở khác trong khu vực phát triển nhà ở sẽ không cản trở dự án phát triển nhà ở có liên quan ngay cả khi chúng không được di dời hoặc gỡ bỏ, trong khi Đáp ứng các yêu cầu theo Nghị định của Tổng thống, nhà điều hành dự án có thể giữ lại các tòa nhà đó hoặc các cơ sở khác như hiện tại.

(2) Một nhà điều hành dự án có thể có chủ sở hữu của các cơ sở được giữ lại theo đoạn (1) chịu một số chi phí phát sinh để lắp đặt, vv đường, công viên, hệ thống cấp thoát nước và các công trình công cộng khác theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(3) Các vấn đề cần thiết cho tiêu chí, phương pháp, v.v. để chịu chi phí theo đoạn (2) sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 13 (Quyền giữ lại)

(1) Trường hợp toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ khu đất bị thu hồi, vv trở thành không cần thiết do hủy bỏ hoặc sửa đổi chỉ định của khu vực phát triển khu đất xây dựng nhà ở, hủy bỏ hoặc sửa đổi phê duyệt cho kế hoạch thực hiện hoặc các nguyên nhân khác, chủ sở hữu đất, v.v. hoặc người kế vị chung của anh ấy / cô ấy tại thời điểm chiếm quyền đó (sau đây gọi là "chủ sở hữu quyền được chuộc lại") có thể trả cho người điều hành dự án số tiền bồi thường nhận

được tại thời điểm đó của việc thu hồi đất, v.v., bao gồm một khoản tiền theo Nghị định của Tổng thống, để chuộc lại trong vòng một năm kể từ ngày nó trở nên không cần thiết.

(2) Một người có quyền chuộc lại có thể bảo vệ chống lại bất kỳ bên thứ ba nào bằng cách chuộc lỗi.

(3) Liên quan đến việc dập tắt các quyền của người có quyền được chuộc lại, Điều 92 của Luật Mua lại và Bồi thường cho đất đai, v.v. đối với các Dự án Công trình Công cộng sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích hợp.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 14 (Lắp đặt cơ sở chính) Đối với việc lắp đặt các cơ sở chính, Điều 28 của Luật Nhà ở sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích hợp.

Số 13805, ngày 19 tháng 1 năm 2016>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 15 đã xóa <theo Luật số 6068, ngày 28 tháng 12 năm 1999>

Điều 16 (Kiểm tra hoàn thành)

(1) Khi một nhà điều hành dự án đã hoàn thành dự án phát triển nhà ở của mình, nhà điều hành dự án sẽ phải chịu sự kiểm tra hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền chỉ định mà không trì hoãn, theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(2) Trong trường hợp người vận hành dự án đã tiến hành kiểm tra hoàn thành theo đoạn (1), việc kiểm tra đó sẽ được coi là kiểm tra hoàn thành hoặc ủy quyền hoàn thành cho dự án có liên quan được thực hiện theo ủy quyền, cho phép, v.v.

(3) Một Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố Metropolitan, Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu sẽ điều hành một khu vực dự án phát triển nhà ở đã hoàn thành theo kế hoạch của đơn vị quận bao gồm trong kế hoạch thực hiện đã được công bố theo Điều 9 (3) theo Luật số 10599, ngày 14 tháng 4 năm 2011>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 17 (Chuyển nhượng các giao dịch mua đất, v.v.)

(1) người vận hành dự án mà không phải là chính quyền địa phương có thể ủy thác các công việc liên quan đến việc mua đất cho dự án phát triển nhà ở và bồi thường thiệt hại cho Thị trưởng / Thống đốc có thẩm quyền hoặc theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(2) Khi một nhà điều hành dự án ủy thác mua đất và bồi thường thiệt hại theo khoản (1), người vận hành dự án ấy phải trả một khoản phí ký gửi theo tỷ lệ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống trong giới hạn 3% số tiền mua đất và bồi thường đất .

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 18 (Cung cấp khu đất xây dựng nhà ở)

(1) Một người có ý định cung cấp khu nhà ở sẽ làm như vậy theo quy định của kế hoạch thực hiện có liên quan.

(2) Việc sử dụng khu nhà ở được cung cấp theo đoạn (1), thủ tục và phương thức cung cấp, những người đủ điều kiện nhận cung ứng và các vấn đề khác liên quan đến các điều khoản và điều kiện cung cấp sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

(3) Khi nhà điều hành dự án cung cấp một khu nhà ở sẽ được sử dụng làm nơi xây dựng nhà ở quốc gia do Quỹ Nhà ở và Đô thị tài trợ theo Luật Quỹ Nhà ở và Đô thị giữa các nhà ở quốc gia được định nghĩa theo đoạn 5 của Điều 2 của Luật Nhà ở , nhà điều hành dự án có thể cung cấp nó dưới mức chi phí phát triển của khu nhà ở. <Sửa đổi bởi Luật số 13805, ngày 19 tháng 1 năm 2016>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 18-2 (Công bố chi phí phát triển địa điểm nhà ở)

(1) Một người dự định cung cấp một khu nhà ở theo Điều 18 sẽ công bố chi phí phát triển của khu nhà ở theo tiêu chí do Pháp lệnh của Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng cung cấp và Giao thông vận tải. Trong các trường hợp như vậy, chi phí phát triển của khu nhà ở sẽ bao gồm các mục sau đây:

1. Chi phí khu đất;
2. Chi phí phát triển;
3. Chi phí nhân công trực tiếp;
4. Chi phí đối phó di dời;
5. Chi phí bán hàng;
6. Chi phí quản lý chung;
7. Các chi phí khác theo quy định của Pháp lệnh của Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông.

(2) Phương pháp tính toán chi phí phát triển của các khu nhà ở theo đoạn (1) và các vấn đề cần thiết khác sẽ được quy định bởi Pháp lệnh của Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 19 (Sử dụng khu đất xây dựng nhà ở) Một người được cung cấp khu đất xây dựng nhà ở (không bao gồm Nhà nước, chính quyền địa phương và Tập đoàn Nhà đất và Nhà ở Hàn Quốc) hoặc bất kỳ người nào mua lại khu đất nhà ở từ họ, sẽ xây dựng nhà ở, vv theo mục đích sử dụng được đề cập trong kế hoạch thực hiện có liên quan.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 19-2 (Hạn chế, v.v. về việc bán lại các khu đất xây dựng nhà ở)

(1) Một người được cung cấp một khu đất xây dựng nhà ở được phát triển theo Luật này không được bán lại (bao gồm chuyển nhượng quyền sở hữu, bán hoặc tất cả các hành vi khác đi kèm với thay đổi về quyền, nhưng không bao gồm thừa kế, sau đây cũng sẽ áp dụng) khu đất xây dựng nhà ở, mà không sử dụng cho mục đích cung cấp, cho đến khi đăng ký chuyển quyền sở hữu: Với điều kiện là các trường hợp được quy định bởi Nghị định của Tổng thống, như vậy như các trường hợp cung cấp khu đất xây dựng nhà ở làm biện pháp đối phó để di dời, có thể được loại trừ khỏi việc áp dụng câu chính ở trên.

(2) Nếu một người được cung cấp một khu đất nhà ở bán lại khu đất nhà ở vi phạm đoạn (1), hành vi pháp lý sẽ bị vô hiệu hóa, và nhà điều hành dự án phát triển nhà ở có liên quan (đề cập đến nhà cung cấp ban đầu của khu đất xây nhà ở) có thể mua khu đất xây nhà ở có liên quan sau khi trả tổng cộng cả giá trị của khu đất xây nhà ở tại thời điểm cung cấp và số tiền được tính bằng cách áp dụng lãi suất trung bình cho tiền gửi có kỳ hạn một năm của các ngân hàng theo Luật Ngân hàng.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 20 (Tiền ứng trước, v.v.)

(1) Một nhà điều hành dự án có thể nhận trước tất cả hoặc một phần giá mua của khu đất xây nhà ở từ một người sẽ được cung cấp khu đất xây nhà ở.

(2) Một nhà điều hành dự án có thể phát hành trái phiếu sẽ được mua lại cho một khu đất xây nhà ở (sau đây gọi là "trái phiếu mua lại đất") cho một người sẽ được cung cấp khu đất xây nhà ở.

(3) Các thủ tục, phương thức, điều kiện, v.v ... phát hành trái phiếu mua lại đất đai sẽ được quy định trong Luật trái phiếu nhà nước, Luật tài chính địa phương, Luật đất đai và nhà ở Hàn Quốc và các luật khác.

(4) Một nhà điều hành dự án có ý định nhận tạm ứng hoặc phát hành trái phiếu mua lại đất theo đoạn (1) hoặc (2) (trừ các trường hợp cơ quan chỉ định là nhà điều hành dự án) sẽ được sự chấp thuận của cơ quan chỉ định có liên quan.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 21 (Kiểm tra và Dịch vụ Tài liệu)

- (1) Nếu cần thiết để thực hiện dự án phát triển khu đất xây nhà ở, nhà điều hành dự án có thể yêu cầu người đứng đầu văn phòng đăng ký hoặc cơ quan hành chính khác có liên quan cho phép kiểm tra hoặc sao chép các tài liệu cần thiết hoặc cấp bản sao hoặc trích xuất mà không có chi phí.
- (2) Nếu không thể phục vụ tài liệu do các trường hợp không thể tránh khỏi như địa chỉ không rõ ràng hoặc nơi cư trú của người liên quan, nhà điều hành dự án có thể thông báo công khai thay cho dịch vụ, theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 22 (Yêu cầu cung cấp dữ liệu)

- (1) Một nhà điều hành dự án có thể yêu cầu người đứng đầu cơ quan hành chính có liên quan hoặc những người có liên quan khác cung cấp dữ liệu mà họ thấy cần thiết để thực hiện dự án phát triển nhà ở.
- (2) Một người đã nhận được yêu cầu cung cấp dữ liệu theo đoạn (1) sẽ tuân thủ yêu cầu trừ khi có lý do chính đáng để không làm như vậy.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 22-2 (Thiết lập và vận hành hệ thống thông tin khu đất xây dựng nhà ở)

- (1) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải có thể thiết lập và vận hành hệ thống thông tin khu đất xây nhà ở để hỗ trợ hiệu quả dự án phát triển khu nhà ở và quản lý thông tin về khu đất xây nhà ở một cách hệ thống. (số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>
- (2) Trường hợp dự án phát triển khu đất công cộng được thực hiện theo khoản 24 Điều 2 của Luật Nhà ở, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải có thể yêu cầu người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương có liên quan, Thị trưởng / Thị trưởng có thẩm quyền hoặc nhà điều hành dự án có liên quan cung cấp dữ liệu hoặc thông tin cần thiết cho việc thiết lập và vận hành hệ thống thông tin khu đất xây nhà ở. Trong những trường hợp như vậy, người đứng đầu cơ quan nhận được yêu cầu đó sẽ tuân thủ trừ khi có một lý do cụ thể không tồn tại. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013; Luật số 13805, ngày 19 tháng 1 năm 2016>
- (3) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải có thể giao phó công việc thiết lập và vận hành hệ thống thông tin khu đất xây nhà ở theo đoạn (1) cho một pháp nhân, tổ chức hoặc tổ chức theo Nghị định của Tổng thống. Trong những trường hợp như

vậy, anh ấy/cô ấy có thể hoàn trả tất cả hoặc một số chi phí cần thiết để thực hiện công việc được ủy thác. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(4) Các vấn đề cần thiết cho việc thiết lập và vận hành hệ thống thông tin khu đất xây dựng nhà ở sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

[Điều này mới được chèn bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 23 (Giám sát)

(1) Cơ quan chỉ định có thể thu hồi chỉ định hoặc phê duyệt theo Luật này hoặc ra lệnh đình chỉ công trình xây dựng hoặc xây dựng lại, loại bỏ, vv công trình giả tạo nếu người vận hành dự án rơi vào bất kỳ trường hợp nào sau đây:

1. Trường hợp người điều hành dự án đã vi phạm một trật tự hoặc định đoạt theo Điều 8, 9, 18 hoặc 20 hoặc Điều này;
2. Trường hợp người điều hành dự án đã có được sự chỉ định hoặc phê duyệt theo Luật này bằng cách gian lận hoặc các biện pháp sai trái khác;
3. Trường hợp không cần thiết để thực hiện dự án phát triển khu đất xây nhà ở, hoặc không thể tiếp tục thực hiện như vậy;
4. Trường hợp người vận hành dự án không bắt đầu hoặc hoàn thành công việc xây dựng trong thời gian thực hiện dự án cố định trong kế hoạch thực hiện.

(2) Nếu cơ quan chỉ định đã đưa ra quyết định, v.v. theo đoạn (1), anh / cô ấy sẽ đưa ra thông báo theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 23-2 (Phiên điều trần)

Trong trường hợp cơ quan chỉ định dự định thu hồi chỉ định hoặc phê duyệt được đề cập trong Luật này theo Điều 23 (1), cơ quan chỉ định sẽ tổ chức một phiên điều trần.

[Điều này được sửa đổi hoàn toàn bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 24 (Báo cáo, Điều tra, v.v.)

(1) Cơ quan chỉ định có thể yêu cầu người điều hành dự án (trừ trường hợp cơ quan chỉ định là người điều hành dự án) nộp tài liệu hoặc báo cáo về dự án phát triển khu đất xây nhà ở, nếu được quy định bởi Lệnh của Tổng thống.

- (2) Trong trường hợp được coi là không thể thực hiện được mục đích điều tra chỉ bằng cách kiểm tra các tài liệu hoặc báo cáo được gửi theo đoạn (1), cơ quan chỉ định có thể yêu cầu các quan chức công cộng có liên quan vào các khu đất kinh doanh liên quan, v.v. .
- (3) Khi tiến hành điều tra theo đoạn (2), một kế hoạch điều tra bao gồm ngày và chi tiết điều tra và lý do điều tra sẽ được thông báo cho người điều hành dự án không muộn hơn bảy (07) ngày trước khi điều tra: Được cung cấp, Điều đó giống nhau sẽ không áp dụng trong trường hợp khẩn cấp hoặc trong trường hợp được coi là thông báo trước sẽ dẫn đến việc phá hủy bằng chứng hoặc làm cho không thể đạt được mục đích của cuộc điều tra.
- (4) Một quan chức nhà nước kiểm tra các vấn đề liên quan đến dự án phát triển nhà ở theo đoạn (2) sẽ trình giấy chứng nhận thẩm quyền của mình cho những người có liên quan, tại thời điểm họ đến, với việc giao tài liệu cho biết Tên của anh ấy / cô ấy và thời gian và mục đích của chuyến thăm của anh ấy / cô ấy.
- (5) Các vấn đề cần thiết cho giấy chứng nhận theo đoạn (4) sẽ được quy định bởi Pháp lệnh của Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 25 (Hoàn nguyên các tiện ích công cộng, v.v.)

(1) Trường hợp một nhà điều hành dự án đã lắp đặt các cơ sở công cộng (trừ các cơ sở theo quy định của Nghị định của Tổng thống như bãi đỗ xe và sân chơi; các cơ sở công cộng hiện có trong quá trình thực hiện dự án phát triển khu đất xây nhà ở, việc đảo ngược sẽ được điều chỉnh bằng cách áp dụng các sửa đổi thích hợp 65 và 99 của Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia. Trong các trường hợp như vậy, "cơ quan hành chính" tại Điều 65 (1) và (5) của cùng một Luật sẽ được coi là "nhà điều hành dự án" theo Luật này.

(2) Khi đăng ký các cơ sở công cộng và tài sản theo đoạn (1), kế hoạch thực hiện có liên quan hoặc văn bản phê duyệt và văn bản kiểm tra khi hoàn thành kế hoạch thực hiện có thể được thay thế cho chứng thư đăng ký theo yêu cầu của Đăng ký Bất động sản Luật.

(3) Khi áp dụng nhiều sửa đổi, Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia theo đoạn (1), liên quan đến đường, sông, mương, v.v. trong số các tài sản mà văn phòng quản lý không rõ ràng, văn phòng quản lý sẽ được coi là Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải; và đối với các tài sản khác, cơ quan quản lý sẽ được coi là Bộ trưởng Bộ Chiến lược và Tài chính.

<Được sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 26 (Hạn chế, v.v. về xử lý đất quốc gia và công cộng)

(1) Đất cần thiết cho dự án phát triển khu đất xây nhà ở, nằm trong khu vực phát triển khu đất xây nhà ở và thuộc sở hữu của Nhà nước hoặc chính quyền địa phương, không được xử lý cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài dự án phát triển khu đất xây nhà ở.

(2) Tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước hoặc chính quyền địa phương trong khu vực phát triển nhà ở có thể được chuyển giao cho nhà điều hành dự án có liên quan bằng hợp đồng tư nhân, bất chấp các quy định của Luật Tài sản Nhà nước và Luật Quản lý Hàng hóa và Tài sản Công cộng. Trong những trường hợp như vậy, việc bãi bỏ sử dụng và chuyển nhượng tài sản sẽ được xác định bởi Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải sau khi tham khảo ý kiến của người đứng đầu cơ quan hành chính có liên quan.

<Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(3) Người đứng đầu cơ quan hành chính có liên quan nhận được yêu cầu tham vấn theo phần sau của đoạn (2) sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết, như bãi bỏ sử dụng và chuyển nhượng, trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu đó.

(4) Nếu một cơ quan quản lý có liên quan không thể được xác định cho bất kỳ tài sản nào được chuyển giao cho một nhà điều hành dự án theo đoạn (2), Bộ trưởng Bộ Chiến lược và Tài chính sẽ điều hành hoặc xử lý nó, bất chấp các quy định của các luật khác.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 27 (Kháng cáo hành chính)

Trong trường hợp có sự phản đối đối với bất kỳ sự định đoạt nào được thực hiện bởi một nhà điều hành dự án theo các quy định của Luật này, một kháng cáo hành chính có thể được đưa ra chống lại cơ quan chỉ định trong vòng một tháng kể từ ngày được biết rằng việc bố trí được thực hiện hoặc trong vòng ba tháng kể từ ngày việc bố trí được thực hiện.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 28 (Hỗ trợ tài chính) Nhà nước hoặc chính quyền địa phương có thể cung cấp cho nhà điều hành dự án một khoản trợ cấp hoặc khoản vay để đáp ứng tất cả hoặc một số khoản tiền cần thiết.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 29 đã xóa <theo Luật số 5688, ngày 25 tháng 1 năm 1999>

Điều 30 (Ủy quyền và ủy thác) (1) Cơ quan chỉ định có thể ủy quyền một phần thẩm quyền của mình được trao theo Luật này cho Thị trưởng / Thống đốc hoặc Quản trị viên của Cơ quan quản lý xây dựng khu vực thuộc Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải, theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

<Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(2) Cơ quan chỉ định có thể ủy thác cho các nhà điều hành dự án với thẩm quyền sau đây trong số các cơ quan có thẩm quyền của mình theo Luật này, theo quy định của Nghị định của Tổng thống:

1. Cơ quan thông báo cho chủ sở hữu đất, v.v. và những người có quyền khác về tên của người điều hành dự án, loại dự án và các chi tiết về đất đai, v.v ... sẽ bị tước đoạt theo câu chính của Điều 9 (4);

2. Cơ quan thông báo cho chủ sở hữu đất và những người có liên quan khác về phê duyệt dự án theo Điều 20 (1) của Luật thu hồi và bồi thường đất, v.v. đối với các dự án công trình công cộng, vì nó được coi là có được theo Điều 12 (2);

3. Thẩm quyền kiểm tra việc hoàn thành theo Điều 16 (1) (giới hạn trong trường hợp người điều hành dự án là người điều hành dự án công cộng).

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

Điều 30-2 (Áp dụng cho các dự án được thực hiện bên ngoài Khu vực phát triển khu đất xây nhà ở)

Trường hợp cần thiết để thực hiện dự án liên quan trực tiếp đến dự án phát triển khu đất xây nhà ở, chẳng hạn như lắp đặt cơ sở hạ tầng được cung cấp cho việc sử dụng khu vực phát triển nhà ở trong khu vực lân cận của khu vực phát triển khu đất xây nhà ở, Điều 3, 3-2, 3-3, 4, 6 phiên 12, 12-2, 13, 14, 16, 17, 21, 22, 23, 23-2, 24 đến 28 và 30 sẽ áp dụng những sửa đổi thích hợp cho dự án liên quan. <Được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011>

[Điều khoản này mới được đưa vào bởi Luật số 9865, ngày 29 tháng 12 năm 2009]

Điều 31 đã bị xóa (Bởi Luật số 9604, ngày 1/4/2009)

Điều 31-2 (Quy định hình phạt) Một người đã bán lại một khu đất xây nhà ở vi phạm Điều 19-2 sẽ bị phạt tù với lao động không quá ba năm hoặc phạt tiền không quá 100 triệu won.

[Điều này mới được chèn bởi Luật số 8384, ngày 20 tháng 4 năm 2007]

Điều 32 (Quy định hình phạt) Bất kỳ người nào sau đây sẽ bị phạt tù với lao động không quá một năm hoặc phạt tiền không quá 10 triệu won.

1. Một người thực hiện một hoạt động được nêu trong Điều 6 (1) mà không được phép hoặc cho phép sửa đổi được đề cập trong cùng một đoạn;

2. Một người vi phạm một định đoạt hoặc lệnh do các cơ quan hành chính ban hành được nêu trong Điều 23 (1).

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 13052, ngày 20 tháng 1 năm 2015]

Điều 33 đã xóa. <theo Luật số 13052, ngày 20 tháng 1 năm 2015>

Điều 34 (Điều khoản phạt chung) Nếu đại diện của một công ty hoặc đại lý hoặc nhân viên của, hoặc bất kỳ người nào khác làm việc cho, một công ty hoặc một cá nhân phạm tội theo Điều 31-2 hoặc 32 liên quan đến các vấn đề kinh doanh của công ty hoặc cá nhân, không chỉ người phạm tội đó sẽ bị trừng phạt mà cả công ty hoặc cá nhân đó sẽ bị phạt theo các điều khoản liên

quan: Với điều kiện, điều đó sẽ không áp dụng khi công ty hoặc cá nhân đó không sơ suất trong việc đưa ra chú ý và giám sát liên quan công việc kinh doanh để ngăn chặn hành vi phạm tội như vậy.

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 9604, ngày 1 tháng 4 năm 2009]

Điều 35 (Tiền phạt hành chính)

(1) Bất kỳ người nào sau đây sẽ bị phạt hành chính không quá mười triệu won:

1. Một người cản trở việc tiếp cận, v.v. đất đai theo Điều 10 (1) hoặc (2);

Một người nộp bất kỳ tài liệu sai lệch hoặc báo cáo vi phạm Điều 24 (1) hoặc một người từ chối, trốn tránh hoặc cản trở một cuộc điều tra theo đoạn (2) của cùng một Điều.

(2) Các khoản phạt hành chính theo khoản (1), theo quy định của Nghị định của Tổng thống, sẽ được áp đặt và thu thập bởi Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông, nơi chủ sở hữu thẩm quyền chỉ định khu vực phát triển nhà ở là Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và giao thông, hoặc bởi một Thị trưởng / Thống đốc nơi chủ sở hữu của cơ quan đó là Thị trưởng / Thống đốc. <Sửa đổi bởi Luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

[Điều này hoàn toàn được sửa đổi bởi Luật số 10764, ngày 30 tháng 5 năm 2011]

PHỤ LỤC <Số 3357, ngày 29 tháng 1 năm 1981>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bị bãi bỏ)
Các điều 2 đến 8 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 3406, ngày 31 Tháng 3 năm 1981>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau một tháng kể từ ngày ban hành.

PHỤ LỤC <Số 3642, ngày 31 tháng 12 năm 1982>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 2 năm 1983.
Các điều 2 đến 6 đã bãi bỏ.

Điều 7 (Các biện pháp chuyển tiếp bằng cách sửa đổi Luật thúc đẩy phát triển khu đất xây nhà ở)

Trường hợp đất đã được mua hoặc chiếm dụng trong khu vực được sắp xếp trước để phát triển khu đất xây nhà ở theo Luật Xúc tiến Phát triển Khu đất xây nhà ở tại thời điểm khi Luật này có hiệu lực, nó sẽ được xử lý bằng cách tham chiếu đến trường hợp trước đó các quy định sửa đổi của Điều 5 và 11 (1) 14 của Luật Xúc tiến Phát triển Khu đất xây nhà ở.

PHỤ LỤC <Số 3755, ngày 15 tháng 12 năm 1984>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 10 năm 1985.

Các điều 2 đến 4 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 3843, ngày 12 tháng 5 năm 1986>

(1) (Ngày thi hành) Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành.

(2) Bỏ qua.

PHỤ LỤC <Số 4429, ngày 14 tháng 12 năm 1991>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày ban hành.

Các điều 2 đến 6 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 4530, ngày 08 tháng 12 năm 1992>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 3 năm 1993.

Các điều 2 đến 7 đã bãi bỏ.

Điều 8 (Áp dụng để sửa đổi các luật khác)

Các quy định sửa đổi tại Điều 7 (4) của Phụ lục, sẽ được áp dụng kể từ lần đầu tiên được phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định tại Điều 8 (1) của Luật xúc tiến phát triển khu đất xây nhà ở sau này Luật có hiệu lực.

PHỤ LỤC <Số 4781, 03. Tháng 8 năm 1994>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều 2 đến 6 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 5109, ngày 29 Tháng 12 năm 1995>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 1996. (điều khoản đã bãi bỏ)

Điều 2 và 3 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 5453, ngày 13 tháng 12 năm 1997>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 1998. (điều khoản đã bãi bỏ)

Điều 2 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 5454, ngày 13 tháng 12 năm 1997>

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 1998. (điều khoản đã bãi bỏ)

PHỤ LỤC <Số 5688, 25. Tháng 1, 1999>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày ban hành.

Điều 2 (Khả năng hủy bỏ việc chỉ định khu vực đã được sắp xếp trước)

Các quy định sửa đổi của Điều 3 (3) liên quan đến việc hủy bỏ chỉ định một khu vực được sắp xếp trước sẽ được áp dụng cho khu vực được sắp xếp trước được chỉ định vào hoặc sau ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 3 (Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến việc nghe ý kiến của người dân)

Các quy định sửa đổi của Điều 3-3 sẽ không được áp dụng khi Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã tham khảo ý kiến hoặc đang có kế hoạch tham khảo ý kiến của người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương liên quan về việc chỉ định một khu vực đã được sắp xếp trước theo Điều 3 (2) tại thời điểm đó Luật này có hiệu lực.

Điều 4 (Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến phương thức thanh toán tiền đền bù)

Trong trường hợp dự án phát triển khu đất xây nhà ở, kế hoạch đã được phê duyệt và công bố theo Điều 8 tại thời điểm Luật này có hiệu lực, phương thức thanh toán tiền bồi thường đối với đất có liên quan sẽ được điều chỉnh bởi các quy định trước đó.

Điều 5 (Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến các điều khoản phạt)

Việc áp dụng các điều khoản phạt đối với một hành vi phạm tội được thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực sẽ được điều chỉnh bởi các quy định trước đó.

Điều 6 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 5893, ngày 08 Tháng 2, 1999>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 6 đã bỏ qua.

PHỤ LỤC <số 5911 ngày 8 tháng 2 năm 1999>

Điều 1 (Ngày có hiệu lực)

Luật này có hiệu lực 6 tháng kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 8 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 6068, ngày 28 tháng 12 năm 1999>

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành

PHỤ LỤC <Số 6655, ngày 04 tháng 2 năm 2002>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2003.

Các điều từ 2 đến 25 đã bãi bỏ

PHỤ LỤC <số 6656, ngày 04 tháng 2 năm, 2002>**Điều 1 (Ngày thi hành)**

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2003.

Các điều từ 2 đến 12 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 6841, ngày 30 tháng 12 năm 2002>**Điều 1 (Ngày thi hành)**

Luật này sẽ có hiệu lực sau chín tháng kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 12 đã bãi bỏ

PHỤ LỤC <số 6916, ngày 29 Tháng 5, 2003>**Điều 1 (Ngày thi hành)**

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 13 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 7517, Ngày 26 Tháng 5 năm 2005>

(1) (Ngày thi hành) Luật này sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày ban hành.

(2) (Các biện pháp chuyển tiếp chung liên quan đến xử lý hành chính, v.v.) Các quyết định của các cơ quan hành chính theo các quy định trước đây tại thời điểm thi hành Luật này sẽ được coi là các quyết định của các cơ quan hành chính theo quy định này Luật và ứng dụng, báo cáo và các hành vi khác được thực hiện cho các cơ quan hành chính theo các quy định trước đây sẽ được coi là ứng dụng, báo cáo và các hành vi khác được thực hiện cho các cơ quan hành chính theo Luật này.

PHỤ LỤC <số 7678, ngày 04 tháng 8 năm 2005>**Điều 1 (Ngày thi hành)**

Luật này sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 12 đã bãi bỏ

PHỤ LỤC <số 7715, ngày 07 Tháng 12 năm 2005>**Điều 1 (Ngày thi hành)**

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 7 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 7921, ngày 24 Tháng 3 năm 2006>

(1) (Ngày thi hành) Luật này sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày ban hành.

(2) (Khả năng áp dụng mở chi phí ban đầu đối với việc tạo ra khu đất xây nhà ở) Các quy định được sửa đổi trong Điều 18-2 sẽ được áp dụng bắt đầu từ phần cung cấp địa điểm nhà ở trước khi Luật này có hiệu lực.

PHỤ LỤC <Số 8014, ngày 27 Tháng 9 năm 2006>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 11 đã bãi bỏ

PHỤ LỤC <số 8338, ngày 06 Tháng Tư năm 2007>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 17 đã hủy bỏ

PHỤ LỤC <số 8352, ngày 11 Tháng 4 năm 2007>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ.)

Các điều từ 2 đến 16 đã hủy bỏ.

PHỤ LỤC <Số 8355, ngày 11 Tháng Tư năm 2007>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 6 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 8370, ngày 11 Tháng Tư năm 2007>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 20 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 8384, ngày 20 Tháng Tư năm 2007>

(1) (Ngày thi hành) Luật này sẽ có hiệu lực ba tháng sau khi Luật này có hiệu lực: Với điều kiện, các quy định sửa đổi của các Điều 19-2 và 31-2 sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành.

(2) (Khả năng áp dụng thời gian xây dựng kế hoạch phát triển) Các quy định sửa đổi tại Điều 8 sẽ được áp dụng bắt đầu từ khu vực có thông báo công khai để nghe ý kiến của người dân, v.v ... trước tiên được đưa ra theo Điều 3-3 sau khi Luật này có hiệu lực.

(3) (Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến thời gian phê duyệt cung cấp nhà ở) Điều khoản sửa đổi của Điều 9 (2) sẽ được áp dụng bắt đầu từ việc cung cấp đầu tiên của một khu nhà ở được phê duyệt cho kế hoạch thực hiện tại thời điểm Luật này được đưa vào có hiệu lực.

(4) (Khả năng áp dụng cấm bán lại nhà ở) Các quy định sửa đổi của Điều 19-2 và 31-2 sẽ được áp dụng bắt đầu từ một người được chọn là người chịu sự cung cấp của khu nhà ở đầu tiên trong việc bán rất nhiều được công bố công khai sau khi Luật này có hiệu lực.

(5) đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 8819, ngày 27 Tháng 12 năm 2007>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sáu tháng sau khi Luật này có hiệu lực (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 9 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 8852, 29. Tháng 2 năm 2008>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 7 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số. 8974, 21. Tháng 3 năm 2008>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ.)

Các điều từ 2 đến 14 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 8976, 21. Tháng 3 năm 2008>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 10 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 9174, ngày 26. Tháng 12 năm 2008>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực bốn tháng sau khi Luật này có hiệu lực. (đã bãi bỏ)

PHỤ LỤC <số 9401, ngày 30 tháng 1 năm 2009>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2 đến 11 đã bãi bỏ

PHỤ LỤC <Số 9511, ngày 20 Tháng 3 năm 2009>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau một tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)

Các điều từ 2-9 đã bị bãi bỏ

PHỤ LỤC <Số 9604, ngày 01 tháng Tư năm 2009>

(1) (Ngày thi hành) Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành.

(2) (Các biện pháp chuyển tiếp) Việc áp dụng các điều khoản phạt đối với một hành vi phạm tội được thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực sẽ được điều chỉnh bởi các quy định trước đó.

PHỤ LỤC <số 10221, ngày 31 tháng 3 năm 2010>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2011.

PHỤ LỤC <số 10272, ngày 15 tháng 4 năm 2010>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 14 đã bị bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 10303, ngày 17 Tháng 5, 2010>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)
Các điều từ 2 đến 10 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC < Số 1031, ngày 31 Tháng 5, 2010>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)
Các điều từ 2 đến 13 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 10599, ngày 14 tháng 4 năm 2011>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày ban hành. (điều khoản đã bãi bỏ)
Các điều từ 2 đến 9 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số 10764, ngày 30 Tháng 5 năm 2011>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành: Với điều kiện là các quy định sửa đổi của Điều 7 (1) 5 và 12 (1) (giới hạn ở các phần liên quan đến các điều khoản sửa đổi của Điều 7 (1) 5) sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày ban hành, Điều 4 (3) của Phụ lục ngày 5 tháng 8 năm 2011 và Điều 4 (7) của Phụ lục vào ngày 15 tháng 4 năm 2012.

Điều 2 (Khả năng áp dụng cho các nhà điều hành dự án phát triển khu đất xây nhà ở, v.v.)

Các quy định sửa đổi của Điều 7 (1) 5 cũng sẽ được áp dụng cho khu vực phát triển khu đất xây nhà ở, việc chỉ định đã được đề xuất hoặc hoàn thành tại thời điểm Luật này có hiệu lực.

Điều 3 (Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến chỉ định, vv của các khu vực được sắp xếp trước để phát triển khu đất xây nhà ở)

Mặc dù các điều khoản sửa đổi của Luật này, các điều khoản trước sẽ được áp dụng cho một khu vực được sắp xếp trước để phát triển khu đất xây nhà ở đã được chỉ định theo Điều 3 trước đó hoặc chỉ định đã được đề xuất cho cơ quan chỉ định theo Điều 3-2 trước Luật này có hiệu lực.

Điều 4 Bỏ qua.

PHỤ LỤC <Số 11690, ngày 23 Tháng 3 năm 2013>

Điều 1 (Ngày thi hành)

- (1) Luật này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ban hành.
- (2) đã bãi bỏ

PHỤ LỤC <Số 12248 ngày 14 tháng 1 năm 2014>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành
Các điều khoản từ 2-25 đã bị bãi bỏ.

PHỤ LỤC <Số. 12251, ngày 14 tháng 1 năm 2014>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành

Các điều từ 2 đến 6 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 13052, ngày 20 Tháng 1 2015>

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày ban hành.

PHỤ LỤC <số 13378 ngày 22. Tháng Sáu năm 2015>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành.

Các điều từ 2 đến 7 đã bãi bỏ.

PHỤ LỤC <số 13805 ngày 19 Tháng 1 năm 2016>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 12 tháng 8 năm 2016.

PHỤ LỤC <số 15682, ngày 12 tháng 6 năm 2018>

Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 27 tháng 6 năm 2018.